

# VAI TRÒ CỦA THỦ THƯ ĐỐI VỚI VIỆC HỌC TRỰC TUYẾN: CÁC TRUNG TÂM HỌC LIỆU TẠI VIỆT NAM

**MYLY NGUYEN**

Nghiên cứu sinh Trường Công nghệ Thông tin trong Kinh doanh  
Điều phối viên các dịch vụ Internet  
Thư viện Đại học RMIT, Melbourne, Australia

## LỜI GIỚI THIỆU

**Mục tiêu:** Nghiên cứu này nhằm khảo sát vai trò của các thủ thư trong tương lai trong môi trường học tập trực tuyến do các Trung tâm Học liệu tại Việt Nam thành lập, và để thảo luận về các kỹ năng bắt buộc để mô hình dịch vụ thư viện mới có thể tác động đến việc học tập của sinh viên.

**Phương pháp:** Các cuộc thảo luận theo nhóm được tiến hành trong tháng 11/2005 giữa các thủ thư người Việt ở các thành phố và tỉnh lỵ để đảm bảo có được các thành viên tham gia với nhận thức đa dạng khác nhau. Các cuộc phỏng vấn nhằm:

- Xác định xu hướng chính và những thay đổi cơ bản xuất hiện trong quá trình phát triển các Trung tâm Học liệu tại Việt Nam
- Tìm hiểu kỳ vọng của các thủ thư đối với “môi trường thông tin” đang thay đổi, tập trung vào các vai trò, kỹ năng và năng lực mới.

**Phát hiện:** Tăng cường xây dựng cơ sở vật chất và các tài nguyên điện tử tại Trung tâm Học liệu đã làm biến đổi đáng kể cách thức tiếp cận và cấu trúc các dịch vụ thông tin.

Các kỹ năng và kiến thức đạt được về:

- Tài nguyên thông tin và công tác tổ chức;
- Hiểu và đáp ứng các nhu cầu về thông tin của người sử dụng; và
- Công nghệ thông tin

sẽ tác động tới mọi mặt các chức năng của Trung tâm Học liệu.

Tuy nhiên, trường đại học cần hỗ trợ và xúc tiến một cách có hiệu quả để tạo dựng hình ảnh và sự coi trọng đối với các thủ thư với tư cách những người chuyên nghiệp. Các chương trình đào tạo cho thủ thư phải linh hoạt và thích ứng tốt với thay đổi, tương xứng với sự phát triển nhanh chóng của vai trò của công nghệ thông tin và viễn thông.

**Ý nghĩa:** Các kết quả của nghiên cứu này có thể cho phép các thủ thư của Trung tâm Học liệu tích cực tham gia vào quá trình giáo dục và sử dụng thông tin một

cách phù hợp và có hiệu quả.

## **BỐI CẢNH NGHIÊN CỨU**

Các trường đại học của Việt Nam đang trải qua rất nhiều thay đổi phức tạp nhằm đáp ứng với những chuyển giao về thể chế, xã hội, chính trị, kinh tế và quốc tế. Cấu trúc cơ bản của các trường đại học như các khóa học, sách trên lớp và bài khóa đang được xem xét lại và không còn nằm trong ranh giới độc quyền của văn hóa in ấn nữa (Frye 1992). Sự phát triển công nghệ thông tin và các tài nguyên điện tử đã tác động mạnh đến môi trường học tập. Các điều kiện dạy và học, công nghệ, mặt xã hội học của kiến thức thay đổi đang ảnh hưởng rõ rệt tới thư viện các trường đại học. Mặc dù một số công việc đã được thực hiện bởi các dự án giáo dục quốc tế nhưng thư viện các trường đại học tại các nước đang phát triển hiện vẫn phải đối mặt với các vấn đề về dòng chảy thông tin (Keren & Harmon 1980; Eres 1981; Dubey 1986).

Các trường đại học đang phải cố gắng cung cấp các thư viện cơ bản bị bó hẹp trong các quy định và phương thức học tập truyền thống, không được đào tạo quản lý thư viện và đào tạo về công nghệ thông tin cũng như thiếu tầm trọng các nguồn tài chính. Theo các báo cáo của Tran (1999), các bộ tư liệu tại thư viện của Việt Nam còn thiếu về quy mô. Chúng bị tụt hậu do thiếu nguồn lực. Các chương trình tiêu chuẩn hóa thư viện lại không phù hợp. Các nhân viên thư viện chuyên nghiệp thì thiếu các kỹ năng lên kế hoạch và thực hiện các chương trình này. Vì vậy, giữa nhu cầu về các kỹ năng chuyên nghiệp và việc thay đổi thủ thư truyền thống cho hòa nhập với dạy và học tại các trường đại học hiện đại có khoảng cách lớn.

Tại kỳ họp Quốc hội Việt Nam tháng 12/2000, Chính phủ, đặc biệt là Bộ Giáo dục và Đào tạo, đã nhận thức được vai trò chủ chốt của công nghệ thông tin và việc học dựa trên nguồn học liệu trong quá trình chuyển giao trước mắt. Kỳ họp này đã đặt quyết tâm các trường Đại học của Việt Nam sẽ kết nối với nhau và với thế giới thông qua tiếp cận trực tuyến, và sẽ cải tổ nền giáo dục đại học để hiện đại hóa quản lý đại học cũng như các phương pháp dạy và học. Trường Đại học Quốc tế RMIT Việt Nam, cùng với Quỹ Atlantic Philanthropies đã thực hiện 1 chương trình “Tầm nhìn” để hỗ trợ các trường đại học lớn của Việt Nam thay đổi môi trường học tập bằng việc phát triển một mạng lưới các Trung tâm Học liệu (Learning Resource Centres – LRC).

Chức năng của các thư viện được chuyển từ phòng học truyền thống thành các trung tâm tạo điều kiện cho việc chủ động học tập và cho phép tiếp cận một loạt các nguồn học liệu.

Bằng cách tập trung vào các sản phẩm và dịch vụ thông tin kỹ thuật số, một môi trường học tập dựa trên nguồn học liệu độc lập tại các LRC đã được thiết lập. Việc

chuyển đổi từ hiện trạng sử dụng các nguồn tư liệu in trong bối cảnh một thư viện khép kín sang tham gia tích cực vào dạy và học thông qua tiếp cận mở yêu cầu phải có thay đổi lớn trong kỳ vọng và các kỹ năng của lãnh đạo dịch vụ thư viện.

## **ĐÁNH GIÁ DỰA TRÊN TÀI LIỆU**

### **Những thay đổi trong thư viện**

Các thủ thư nhận thức được rằng sự thay đổi nhanh chóng đang diễn ra thường xuyên trong các thư viện và dịch vụ thông tin ngày nay. Tuy nhiên, trong những giai đoạn thay đổi diễn ra nhanh chóng và liên tục, người ra rất dễ bị cuốn vào những khối lượng công việc gia tăng, các quyết định hàng ngày và các dự án thay đổi riêng lẻ mà đánh mất cái nhìn tổng thể về quá trình thay đổi. Vì lý do này mà đôi khi người ta nên dừng lại, suy nghĩ về quy luật thay đổi nói chung, và về tác động của nó tới các tổ chức và các cá thể. Hơn thế nữa, cho tới nay không chỉ các nhà quản lý cao cấp về dịch vụ thông tin và thư viện mà tất cả các thủ thư, hay thực tế là tất cả đội ngũ nhân viên thư viện đều phải có khả năng xử lý ổn thỏa sự thay đổi. Ngày nay, thay đổi không chỉ chắc chắn diễn ra mà còn diễn ra liên tục. Thật không thực tế khi trông chờ quá trình thay đổi bị gián đoạn hay hy vọng vào một giai đoạn củng cố. Mặc dù những khẳng định này nghe có vẻ nặng nề nhưng tính chính xác của chúng thì không thể chối cãi nếu ta xem xét hàng loạt những áp lực buộc phải thay đổi mà tất cả các thư viện đều phải trải qua (Gallacher 1999).

Những áp lực này đến từ bên ngoài các tổ chức, bắt nguồn từ môi trường rộng lớn hơn trong đó các thư viện hoạt động, cũng như từ chính bên trong các thư viện. Áp lực này bao gồm những mối đe dọa tiềm ẩn tới sự tồn tại và an ninh của con người, cũng như các cơ hội để củng cố vị trí và thăng tiến. Ngày nay, hầu hết các nhà quản lý thư viện cao cấp đều hoạt động trên một vũ đài mà các áp lực chủ quan và khách quan đều được ghi nhận, quản lý và sử dụng trong việc lập kế hoạch và đưa ra các quyết định của thư viện. Tuy nhiên, điều quan trọng là tất cả các nhà quản lý thư viện, nếu không muốn nói là tất cả nhân viên thư viện, phải hiểu được những áp lực này nếu trong tương lai họ muốn mình và tổ chức của mình là người dẫn dắt và thụ hưởng những thành quả của thay đổi hơn là làm những nạn nhân của thay đổi (Gallacher 1999). Áp lực khách quan lên các thư viện bắt nguồn từ những thay đổi diễn ra trong môi trường hoạt động của thư viện. Môi trường này bao gồm bối cảnh địa phương, quốc gia và toàn cầu.

Nhìn chung, những thay đổi khách quan là những thay đổi không phải do các thủ thư gây ra, nhưng chúng phải được lường trước và được làm sáng tỏ, và điều này thường đòi hỏi người ta phải có một thay đổi khác để đáp lại. Những áp lực môi trường này có rất nhiều và trên phạm vi rộng, bao gồm: những phát triển về chính trị như tổ chức lại chính quyền địa phương, và liên quan phần lớn đến các thư viện công cộng; điều luật mới đối với ngành công nghiệp hoặc dịch vụ y tế, với các tác động lớn lên các thư viện phục vụ hai ngành trên; hoặc các sáng kiến của Chính

phủ về học tập suốt đời, tác động tới tất cả các ngành (Gallacher 1999). Áp lực còn gồm những thay đổi về kinh tế, như các phương án mới đối với quỹ dành cho giáo dục của Chính phủ, điều này có tác động sâu sắc tới thư viện các trường học, cao đẳng và đại học; và cả các xu hướng trong nước hay trên toàn cầu như suy thoái và lạm phát. Hơn nữa, những áp lực này còn gồm cả các xu hướng xã hội, như dân số thay đổi tại các khu vực tập trung nhiều trường học công hoặc thư viện công cộng; sự thay đổi hướng tới phục vụ khách hàng trong tất cả các dịch vụ, và nhu cầu về dịch vụ cho người khuyết tật. Gần đây áp lực này còn gồm cả những phát triển về công nghệ như mạng lưới trong nước và quốc tế, xuất bản điện tử và tiến tới là công nghệ tự phục vụ (Gallacher 1999).

Những áp lực chủ quan buộc thay đổi xuất phát từ chính trong thư viện. Chúng bắt nguồn từ việc nhận thức được các vấn đề hoặc yếu kém của thư viện, hay nắm được những thế mạnh có thể giúp củng cố hoặc xây dựng nhằm đạt được thành công. Những yếu kém là rõ ràng trong những hoàn cảnh như người sử dụng phàn nàn, lượng sử dụng giảm sút, hay tinh thần của đội ngũ nhân viên kém, tất cả các nhân tố này gây áp lực phải thay đổi phương pháp nếu người ta muốn cung cấp một dịch vụ hiệu quả. Thế mạnh cũng có thể gây áp lực lên người ta buộc phải thay đổi. Ví dụ: một dịch vụ thành công có thể vẫn phải thay đổi phương pháp nhằm đáp ứng nhu cầu tăng cao và để tránh giảm sút chất lượng dịch vụ. Thông thường điều này có nghĩa là lên kế hoạch cho những thay đổi trong cách thức vận hành dịch vụ, và/hoặc phương thức mà dịch vụ được tài trợ, mặc dù hệ thống hiện nay đang hoạt động hiệu quả (Gallacher 1999).

Một tình huống khác trong đó thế mạnh có thể gây ra thay đổi là nhận thức được khả năng của con người để áp dụng những thế mạnh này trong những hoàn cảnh mới. Ví dụ, một số thư viện công cộng đang cung cấp dịch vụ tìm kiếm trên mạng Internet cho bạn đọc, hoặc mở các nhà hàng cà phê Internet, tận dụng kỹ năng đào tạo và tìm kiếm thông tin của nhân viên thư viện. Phát triển các dịch vụ kiểu này có thể giúp tăng thu nhập cũng như nâng cao và tăng cường vai trò của các thư viện là những nhà cung cấp thông tin hoặc trung gian cung cấp thông tin, bất kể phương tiện là gì (Gallacher 1999).

### **Những thay đổi về công nghệ**

Công nghệ thông tin và viễn thông đã thay đổi mạnh mẽ quá trình giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Những thay đổi về mô hình, kết quả của việc áp dụng các công nghệ tiên tiến mới sẽ tiếp tục diễn ra trong thế kỷ XXI.

Các nguồn tài nguyên và thông tin kỹ thuật số đã thâm nhập vào việc học tập thông qua rất nhiều cách khác nhau khiến người ta thường phải rất nỗ lực mới xác định rõ được tác động và các ý nghĩa. Với vai trò hỗ trợ việc giảng dạy và học tập, các thư viện đã và đang ngày càng phụ thuộc vào thông tin kỹ thuật số cả về mặt phụ trợ và tương đương với các ấn phẩm. Các thư viện cũng đang đối mặt với những nguồn tài nguyên mới sinh ra từ kỹ thuật số và không có bản in hay các vật

thay thế tương đương vì chúng chỉ tồn tại ở dạng kỹ thuật số. Việc các nguồn tài nguyên kỹ thuật số ngày nay có thể được tạo ra tương đối dễ dàng cũng có nghĩa là khả năng chế tạo, tích lũy và lưu trữ các nguồn tư liệu kỹ thuật số đã vượt xa khả năng hiện tại của chúng ta trong việc bảo quản cho dù chỉ lượng nhỏ duy trì được giá trị (Thomas 2002). Nếu nói rằng các thư viện đã chịu tác động của các công nghệ mới trong những năm gần đây thì đó vẫn là lời đánh giá rất nhẹ. Chính xác hơn, các thư viện đã, đang và sẽ tiếp tục thay đổi mạnh mẽ do việc sử dụng các tài nguyên trên mạng và tài nguyên điện tử.

Thay đổi này sẽ diễn ra trong hai giai đoạn. Các thư viện đã trải qua quá trình chuyển đổi từ giai đoạn hiện đại hóa, khi mà công nghệ mới được áp dụng đối với các chức năng truyền thống vốn có của thư viện, sang một kỷ nguyên của chuyển đổi, giai đoạn áp dụng công nghệ để thay đổi về cơ bản các chức năng của thư viện. Các công nghệ mới có thể giúp tự động hóa các dịch vụ và chức năng hiện tại của thư viện, song công nghệ thông tin và công nghệ viễn thông còn có thể tạo ra các điều kiện cho sự đổi mới. Về mặt khái niệm, vấn đề này được mô tả chính xác nhất là tự động hóa hoặc cải tiến so với đổi mới (Thomas 2002).

Các dịch vụ thư viện hiện vẫn đang tiến hành thay đổi đáng kể do họ quan tâm, thử nghiệm, và hội nhập vào công nghệ đang nổi lên. Giống như các tổ chức khác, các thư viện đang bắt đầu phụ thuộc vào nhiều công nghệ mới mà không phải lúc nào cũng hiểu sự trói buộc về lâu dài của việc phụ thuộc. Nhân tố chủ chốt của quá trình chuyển đổi này là sự phụ thuộc ngày càng nhiều vào công nghệ. Tại sao việc chúng ta ngày càng phụ thuộc vào công nghệ lại là một vấn đề bức xúc? Trong những năm gần đây, các thư viện đã phụ thuộc ngày càng nhiều vào các công nghệ kỹ thuật số. Do giá in ấn các tài liệu như tạp chí khoa học tăng lên, và khả năng tiếp cận cũng như chức năng của các tài nguyên kỹ thuật số trở nên hấp dẫn hơn nên các thư viện đang đầu tư ngày một nhiều vào công nghệ mới.

Các thư viện cũng phải chấp nhận sự phụ thuộc vào công nghệ kỹ thuật số như những công cụ cơ bản để tạo lập và lưu trữ các sổ sách về tổ chức của chính họ. Các danh mục tiếp cận công cộng trực tuyến, các hồ sơ lưu trữ, hồ sơ quản lý hay thậm chí là tư liệu chính sách thư viện hiện cũng thường được tìm thấy duy nhất dưới hình thức điện tử (Thomas 2002).

### **Những chuyển biến của ngành thư viện ở Việt Nam**

Với việc ứng dụng các công nghệ thông tin và viễn thông, Spencer (1998) khẳng định công nghệ kỹ thuật số, đặc biệt là công nghệ trực tuyến, sẽ thay đổi vai trò từ thư viện truyền thống sang một thư viện phù hợp và hiệu quả. Những thay đổi này tại các thư viện đã tác động đến cấu trúc và hệ thống quản lý thư viện (Gorman 2001). Các thư viện ở Việt Nam đang trở thành những trung tâm học liệu với các dịch vụ kỹ năng học tập và công nghệ học tập trong bối cảnh đó và theo như tầm nhìn quốc gia về phát triển công nghệ thông tin (Nghị quyết 49/CP).

Theo tác giả Vu (2001), các mạng lưới máy vi tính, hệ thống quản lý thư viện, các nguồn tài nguyên điện tử và việc áp dụng phần mềm để cải thiện tiếp cận thông tin là thách thức lớn mà các thủ thư Việt Nam và các chuyên gia về thông tin hiện phải đối mặt. Việc thiếu kiến thức và kỹ năng về công nghệ thông tin và các dịch vụ điện tử có thể gây ra những khó khăn trong việc hoạch định và quản lý sự phát triển của các Trung tâm Học liệu (Tran & Gorman 1999).

Newman (1991) thì tin rằng nếu người ta nhận thức được vai trò mới của các thủ thư trong việc thúc đẩy công nghệ thông tin, điều này sẽ đóng một vai trò chủ chốt trong việc tạo lập, phổ biến và ứng dụng việc quản lý kiến thức và quản lý thông tin ở Việt Nam. Do việc cung cấp thông tin điện tử đặt những trách nhiệm mới lên vai trò thủ thư truyền thống, Rice-Lively and Racine (1997) cũng chỉ ra các cơ hội để các thủ thư chuyên nghiệp có thể giữ vai trò nòng cốt hơn trong việc phát triển các kỹ năng mới trong việc dạy và học.

Về mặt này, đội ngũ nhân viên của các Trung tâm Học liệu cần phải trau dồi nhiều kỹ năng mới và phải thành thục với các sản phẩm thông tin cũng như cơ sở hạ tầng nơi cung ứng chúng. Cách thức giao tiếp mới đã khiến một thủ thư từ chức năng chỉ là người thu giữ và bảo quản các nguồn thông tin trở thành chuyên nghiệp về thông tin, “nắm giữ, cho tiếp cận, và là người chèo lái kiến thức và thông tin ở tất cả các hình thức” (Craver 1994).

Các thủ thư chuyên nghiệp tại Việt Nam cần phát triển “nhận thức mới, thái độ mới và niềm tin mới” (Fowell & Levy 1996) để đối mặt với những thực tế về thay đổi công nghệ và sự khác biệt về văn hóa trong cách thức tìm kiếm thông tin. Trong bối cảnh mới, vai trò, kỹ năng và năng lực của họ cần phải được hoàn thiện đầy đủ và chuẩn bị sẵn sàng để phù hợp với các dịch vụ mới, cụ thể là phát triển và chuyển giao các chiến lược hỗ trợ học tập cho các trung tâm của họ.

## **PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU**

Busha và Harter (1980) trong các khái niệm cơ bản để nghiên cứu về thủ thư đã cho rằng phương pháp nghiên cứu định tính được thiết kế để giúp nghiên cứu sinh hiểu được con người và các khung cảnh về xã hội và văn hóa. Do bản chất phức tạp của công việc và các vai trò khác nhau của người thủ thư ở Việt Nam hiện nay, phân tích định tính được đề cập như là phương pháp xác định những vai trò chủ yếu, kỹ năng thông tin chính và các năng lực chủ yếu.

Những người tham gia cuộc nghiên cứu này là những thủ thư làm việc tại các Trung tâm Học liệu và Thư viện Trung tâm. Vì phương pháp nghiên cứu có thể coi là định tính về phương pháp thu thập dữ liệu cũng như loại dữ liệu thu thập, kỹ thuật thảo luận theo nhóm được chọn để thu thập thông tin về nhận thức của người

thủ thư đối với vai trò mới của họ. Đồng thời, cuộc nghiên cứu cũng thăm dò phản ứng và cảm giác của họ về các dịch vụ và khái niệm của họ về môi trường học tập trực tuyến mới.

Kết quả của cuộc nghiên cứu này có thể cho phép các thủ thư ở các Trung tâm Học liệu tham gia chủ động vào quá trình đào tạo, đồng thời hoạt động hiệu quả trong việc cung cấp các dịch vụ về thông tin. Các dữ liệu thu thập được hy vọng sẽ gây được sự chú ý và phát huy tác dụng trong việc tổ chức các khóa đào tạo và nâng cao năng lực của nhân viên tại các Trung tâm này trong tương lai.

### **Những người tham gia thảo luận theo nhóm**

Chín cuộc thảo luận theo nhóm đã được tổ chức tại các Trung tâm Học liệu trên toàn quốc để đảm bảo các thành viên tham gia có các kỹ năng và kinh nghiệm khác nhau. Các Trung tâm này bao gồm: Trung tâm Học liệu của Trường Đại học Cần Thơ, Trung tâm Tư liệu Thông tin và học tập của Đại học Đà Nẵng, Thư viện Quốc gia Việt nam, và Trung tâm Học liệu của Trường Đại học Quốc tế RMIT Việt Nam. Mỗi nhóm này bao gồm từ 8 đến 10 người, tổng số 9 nhóm là 81 người. Hầu hết những người tham gia đều có chứng chỉ trong các ngành khác ngoài ngành thư viện. Các bằng cấp bao gồm từ các chứng chỉ cho đến trên đại học và tuổi của các thành viên từ 21 đến 55. Điều quan trọng là tìm được người tham gia có khả năng đưa ra ý kiến của mình về chủ đề nghiên cứu, do vậy các dữ liệu có thể được thu thập chính xác đối với các chủ đề được quan tâm (Williamson 2002).

Những người tham gia các nhóm này được cung cấp những khái niệm cơ bản, ngắn gọn và các xu hướng của các dự án Trung tâm Học liệu. Một nhân tố quan trọng cần lưu ý là các cuộc thảo luận theo nhóm được thực hiện bằng tiếng Việt, tạo điều kiện cho các cuộc thảo luận giữa những người tham dự và các nhà nghiên cứu không bị ảnh hưởng bởi rào cản ngôn ngữ. Bên cạnh việc thể hiện những quan điểm tổng hợp, các cuộc thảo luận theo nhóm cũng sẽ cho phép thể hiện các quan điểm khác biệt của cá nhân (Strauss & Corbin 1990). Băng ghi âm được sử dụng để ghi lại Các cuộc thảo luận được ghi âm và nội dung được ghi lại thành một danh sách theo dạng các câu trả lời cho các câu hỏi.

### **NHỮNG PHÁT HIỆN CHỦ YẾU**

Các bảng câu hỏi theo dạng mở với cách tính điểm Likert trên thang điểm 5 được sử dụng trước hết để tìm ra yếu tố có ảnh hưởng nhất tới các dịch vụ của Trung tâm Học liệu. Những người tham gia phỏng vấn sẽ trả lời tất cả các câu hỏi và thang điểm Likert sẽ chỉ ra những thay đổi lớn trong các Trung tâm này do kết quả của dự án giáo dục từ thiện (*Xem Phụ lục A*).

Những người tham gia sau đó được yêu cầu thảo luận về các câu hỏi chính về những thay đổi vai trò trong thời gian gần đây và những thách thức họ có thể gặp

phải trong tương lai.

Các câu trả lời khác nhau cho các câu hỏi chính này cho thấy sự đa dạng của các quan niệm và kinh nghiệm trong lĩnh vực thư viện. Mỗi cá nhân ghi chép lại nội dung của buổi thảo luận theo nhóm và tóm tắt các kết quả chính dựa trên kết luận phiên họp.

### **Những thay đổi về vai trò trong thời gian gần đây**

- Vai trò chuyển từ việc thu thập thông tin sang tổ chức và sắp xếp thông tin
- Thực hiện việc tìm kiếm tài liệu trên một loạt các cơ sở dữ liệu
- Biết cách tìm kiếm thông tin và xác định những thông tin quan trọng
- Nhận thức được luật bản quyền trong khi tiếp cận và sử dụng công nghệ
- Triển khai các chương trình xóa mù về thông tin
- Cùng với sự xuất hiện của các dịch vụ điện tử, cần phải có một loạt các kỹ năng về công nghệ
- Mở rộng sang các thiết kế về cơ sở vật chất và đánh giá dịch vụ, hệ thống thông tin
- Tham gia vào việc phát triển công tác thu thập thông tin
- Tham gia vào việc tạo ra các nguồn dữ liệu điện tử
- Trở nên đa kỹ năng và độc lập
- Theo đuổi các cơ hội về học tập, có thể tự thân các cá nhân hoặc thông qua các khóa đào tạo chính thức
- Giao tiếp cởi mở, trực tiếp và rõ ràng với người sử dụng và đồng nghiệp
- Quản lý được thời gian của bản thân và của người khác
- Nắm được các kiến thức về chính sách, quy trình và tiêu chuẩn dịch vụ của các Trung tâm Học liệu

### **Những thách thức có thể gặp phải trong tương lai**

- Hợp tác làm việc với các cán bộ chuyên môn
- Tạo điều kiện thuận lợi cho các chương trình xóa mù thông tin
- Thu thập dữ liệu vì nhiều tài liệu mà cán bộ chuyên môn yêu cầu không phải bằng tiếng Việt
- Sử dụng cơ sở dữ liệu điện tử và giao nhận thông tin thông qua web
- Ghi vào mục lục và phân loại - cấu trúc dữ liệu và siêu dữ liệu được kết nối thế nào
- Quản lý và nâng cao chất lượng thông tin
- Nhân viên làm việc hướng tới mục tiêu, chứ không chỉ những việc nêu trong mô tả công việc của mình

### **Những lỗ hổng được xác định trong kiến thức và kỹ năng hiện có**

Các lỗ hổng về kỹ năng được xác định là tồn tại trong lĩnh vực dịch vụ thông tin, nguồn và cơ cấu tổ chức thông tin; xóa mù về thông tin và công nghệ thông tin.



Các kỹ năng chủ yếu được nhấn mạnh là:

- Kỹ năng về công nghệ
- Kỹ năng xây dựng nhóm và mạng lưới
- Kỹ năng lãnh đạo và trợ giúp nhóm
- Kỹ năng giao tiếp nói chung và giữa các cá nhân được cho là quan trọng và đặc biệt được nhấn mạnh trong việc giữ liên lạc với các cán bộ chuyên môn

Những người tham gia thảo luận theo nhóm cũng nhấn mạnh sự cần thiết phải hiểu các phương pháp học tập, đặc biệt trong học trực tuyến, như là một điều kiện tiên quyết để xây dựng các hướng dẫn cho môn học hoặc chương trình hướng nghiệp trực tuyến.

Do những tài liệu điện tử đang trở nên phổ biến trong bộ tư liệu, những người thủ thư trong nhóm này cho rằng hiện nay, họ có thêm trách nhiệm mới, bao gồm việc đánh giá và quyết định có hay không đặt mua các tài liệu điện tử, xác định cách tích hợp các tài liệu điện tử vào kho tài liệu thu thập được, và hướng dẫn người sử dụng làm thế nào để sử dụng hiệu quả các tài liệu điện tử.

Hiện nay, nhu cầu đang tăng lên đối với thủ thư có kiến thức về công nghệ thông tin chịu trách nhiệm về Hệ thống Quản lý Thư viện Tổng hợp và tích hợp tài liệu điện tử vào hệ thống tài liệu của Trung tâm Học liệu, do các dịch vụ điện tử đang chiếm vai trò nổi bật hơn.

## **KẾT LUẬN**

Kết quả thu được của các cuộc thảo luận theo nhóm cho thấy một cái nhìn sát thực tế đối với thư viện và Trung tâm Học liệu trên khắp Việt Nam. Các thủ thư ngày nay cần một nền tảng vững chắc về tài liệu và dịch vụ thông tin, kiến thức toàn diện về Internet, cơ sở dữ liệu web và sự hình thành của thư viện ảo. Sự thay đổi của khoa học công nghệ cũng kéo theo sự thay đổi vai trò của các thủ thư trong môi trường học tập mới. Họ cũng yêu cầu cần có kiến thức và kỹ năng để có thể tham gia một cách đầy đủ và là một bộ phận của các Trung tâm Học liệu.

Rõ ràng là những kỹ năng cần có để có thể đảm bảo cho hoạt động của Trung tâm Học liệu phù hợp và hiệu quả phụ thuộc rất nhiều vào nhiệm vụ và cơ cấu của các Trung tâm Học liệu, các loại dịch vụ cung cấp và mối tương quan với khuôn viên của thư viện và các khu vực khác của trường đại học. Những gì thu được trong cuộc nghiên cứu này đã củng cố thêm dự đoán rằng các thủ thư ở Việt Nam cần được đào tạo, phát triển về các kỹ năng khoa học công nghệ và sử dụng dữ liệu điện tử. Tuy nhiên, sự phát triển nhanh chóng của các tài liệu về thông tin điện tử mới và các khả năng chuyên giao tài liệu mới, sự xuất hiện của các công cụ tìm kiếm phức tạp nhất từ trước đến nay đã đảm bảo rằng không có ai có thể tự mãn về

trương lai. Cùng với nhiều kỹ năng về công nghệ thông tin cần có trong Trung tâm Học liệu, cuộc nghiên cứu này cũng chỉ ra rằng cho tới nay, chưa có sự quan tâm đầy đủ đối với các mặt giao tiếp, làm việc tập thể và kỹ năng về hướng dẫn.

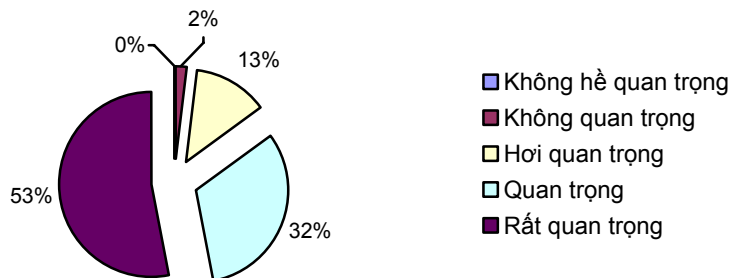
Các thủ thư ở Việt Nam vẫn cần phải bù đắp một số thiếu hụt trong kiến thức, và nhiều người sẽ phải tham gia trực tiếp vào việc phát triển chuyên môn để có thể thành thạo các dịch vụ, hệ thống và nhiệm vụ mới. Sự thiếu hụt về kiến thức và kỹ năng sẽ khiến cho nhiều thủ thư cảm thấy bị phân tán theo nhiều hướng khác nhau, điều đó sẽ dẫn tới việc họ bị nản lòng và căng thẳng.

Với môi trường học tập mới, các thủ thư cũng cần phải học các kỹ năng mới và nhận các trách nhiệm mới. Hơn nữa, cần phải thành lập các tiêu chuẩn và nguyên tắc chính đối với thủ thư trong giáo dục đại học, ví dụ như vai trò của việc xóa mù thông tin đối với sự hiệu quả trong hoạt động của Trung tâm Học liệu và thủ thư của trung tâm. Để đạt được mục tiêu này, họ sẽ cần phải có được sự thừa nhận và ủng hộ từ các trường đại học và chính phủ.

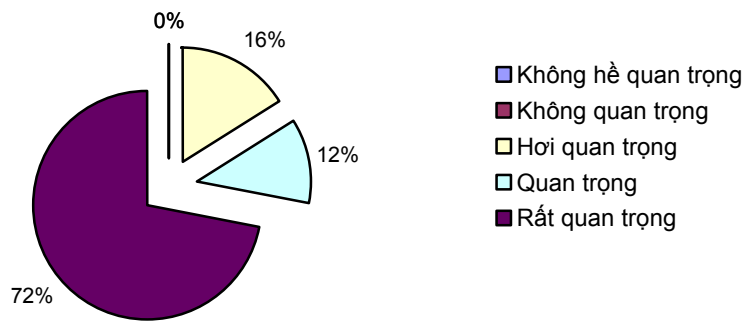
## PHỤ LỤC

### Trả lời về tầm quan trọng của các Trung tâm Học liệu đối với các dịch vụ

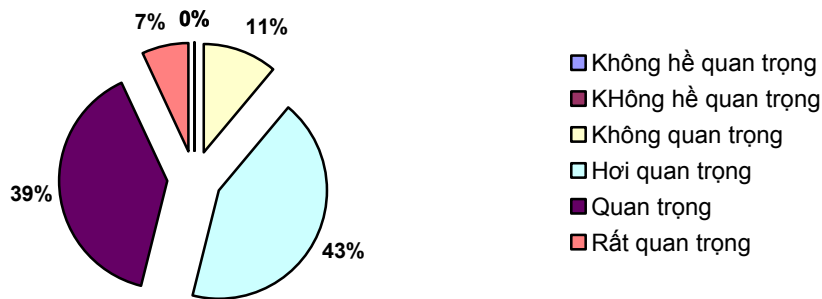
Tầm quan trọng của sự phát triển cơ sở vật chất trong các Trung tâm Học liệu đối với việc thay đổi phương pháp hoạt động của thư viện truyền thống (giá sách, phân loại, không gian học tập,...) như thế nào?:



**Tầm quan trọng của sự phát triển tài liệu in trong các Trung tâm Học liệu đối với việc thay đổi cơ cấu dịch vụ thông tin và giao nhận tài liệu (tài liệu cho mượn, các bộ tài liệu, thu thập tài liệu)?**

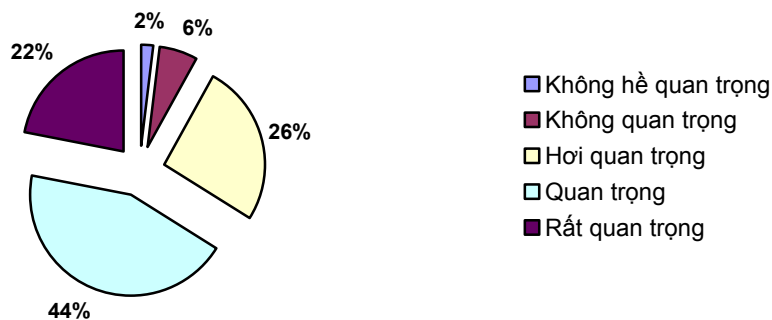


**Tầm quan trọng của việc phát triển các tài liệu điện tử trong các Trung tâm Học liệu đối với việc thay đổi cơ cấu tiếp cận và quy trình xử lý thông tin (tài liệu nhân viên, cấp phép, an ninh mạng,...)**

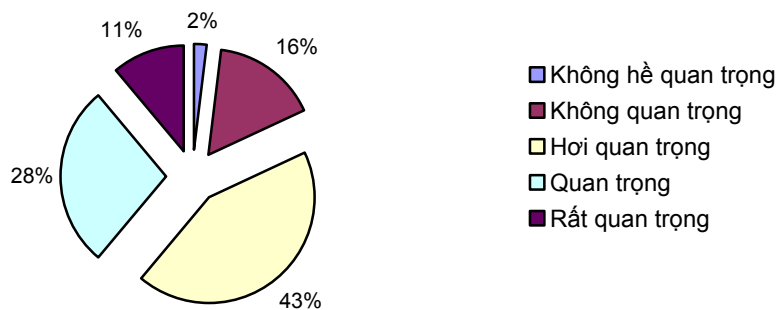


**Trả lời về mức độ quan trọng của các Trung tâm Học liệu đối với trường đại học**

**Tầm quan trọng của Trung tâm Học liệu đối với việc giảng dạy sinh viên đại học?**



Tầm quan trọng của Trung tâm Học liệu đối với các nghiên cứu sinh trong trường đại học?



## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bridges, K., Expectations of librarians in the 21st century Westport, Conn.: Greenwood Press, 2003
- Busha, C.H., Harter, S.P. (1980), Research Methods in Librarianship: Techniques and Interpretation, Academic Press, New York.
- Craver, K.W. (1994), Library Media Centres in the 21st Century: Changes and Challenges, Greenwood Press, Westport.
- Dubey, Y.P. (1986,) Information Poverty: a Third World Perspective, Pierian Press, Ann Arbor, MI.
- Eres, B.K. (1981), "Transfer of Information Technology to Less Developed Countries: A Systems Approach", Journal of the American Society for Information Science, 32 (2), pp. 97-102.
- Fowell, S. & Levy, P. (1995), "Developing a New Professional Practice: A Model for Networked Learner Support in Higher Education", Journal of Documentation, 51 (3), pp 271-280.
- Frye, B.E. (1992), "The University Context", Library Hi Tech 10:4 (40), pp. 27-37.
- Gallacher, C 1999, Managing change in libraries and information services, Aslib, London.
- Gorman, M. (2001), "Technostress and Library Values", Library Journal, 126 (7) pp. 48-52.
- Keren, C., Harmon, L. (1980), "Information Services Issues in Less Developed Countries", Annual Review of Information Science and Technology, 15, pp 289-324.
- Newman, B. (1991), An open discussion of knowledge management, [Online] Available at: [http://www.km-forum.org/what\\_is.htm](http://www.km-forum.org/what_is.htm) (Accessed 15 May 2005)
- Rice-Lively, M.L., Racine, J.D. (1997), "The Role of Academic Librarians in the

Era of Information

Technology”, *Journal of Academic Librarianship* 23 (1), pp 31-41.

Spencer, J. (1998), *Who Moved My Cheese?: An Amazing Way to Deal with Change in Your Work*

and in Your Life, Putman, New York.

Strauss, A., Corbin, J. (1990), *Basics of Qualitative Research: Grounded Theory Procedures and*

*Techniques*, Sage, Newbury Park.

Thomas, CF (ed.) 2002, *Libraries, the internet, and scholarship: tools and trends converging*,

Marcel Dekker, New York.

Tran, L.A. (1999), “Recent Library Developments in Vietnam,” *Asian Libraries*, 8, (1), pp. 5-16.

Tran, L.A. & Gorman G.E. (1999), “The Implementation of information Technology in Vietnamese

Libraries: Results of a Survey,” *Asian Libraries*, 8, (10), pp. 380-395.

Vu, V.S. (2001), “Electronic Libraries and Dublin Core: The Case of Vietnam”, *Conference Papers*

of 3rd CO-EXIST SEA Workshop and DC Conference, Tokyo, Japan, October 23-26.

Williamson, K. (2002), *Research Methods for Students, Academics and Professionals: Information*

*Management and Systems*, 2nd ed., Centre for Information Studies, NSW.